TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ LANG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24/6/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Sầm Đức Hiệp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nông Văn Tràng
2. Ông Nông Thanh Lù

- Thư ký phiên toà: Bà Linh Thị Hiến – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng: Ông Thẩm Minh Đức - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 458/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Chu Sỹ P**, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ D, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. (*Có mặt).*

2. Bị đơn: Anh **Bế Văn Đ**, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N - Tính, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng;

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: P, Trại giam X, thành phố Hải Phòng. (*Vắng mặt có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/02/2025 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn Chu Sỹ P trình bày:

Chị Chu Sỹ P và anh Bế Văn Đ có được tìm hiểu nhau và tổ chức cưới theo tập quán vào năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vào ngày 08/9/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng sinh sống hạnh phúc ở nhà anh Đ tại xóm N-T, xã T, huyện H. Tuy nhiên, đến năm 2016, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, do không cùng quan điểm sống, lý do kinh tế gia đình khó khăn, khiến tình cảm vợ chồng sứt mẻ không hoà thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Đến năm 2017, mặc dù chị P đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng do anh Đ nghiện chất ma tuý dẫn đến vi phạm pháp luật về tội mua bán trái phép ma tuý và đang phải chấp hành án phạt tù với thời gian 08 năm 06 tháng, hai vợ chồng đã sống ly thân kể từ thời điểm đó cho đến nay. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Chu Bế V, sinh ngày 10/9/2016, hiện con đang ở với mẹ, khi ly hôn chị P sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V; không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đ, vì anh đang phải chấp hành án phạt tù. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Chị P đã được nghe lời khai của anh Đ do Toà án nhân dân huyện Hạ Lang uỷ thác cho Trại giam X và Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thu thập. Chị P nhất trí với các lời khai của anh Đ, ngoài ra không có ý kiến gì.

Bị đơn anh Bế Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, đã có bản tự khai, biên bản lấy lời khai ghi nhận các ý kiến của anh Đ về việc xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng, tài sản chung và nợ chung theo chị P trình bày là đúng. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị P. Về con chung, anh Đ nhất trí chị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đ. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do hiện anh Đ đang chấp hành án tại trại giam nên không thể đến Tòa án để giải quyết vụ việc được, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Bế Văn Đ, về con chung, do hiện nay anh Đ đang phải chấp hành hình phạt tù nên chị sẽ là người trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng; sau khi anh thụ hình xong quay trở về địa phương nếu có nguyện vọng nuôi con chung thì hai vợ chồng sẽ tự thoả thuận vấn đề nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết; ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Chị P và anh

Đ có đăng ký kết hôn nên về quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị P; chị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn Bế Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại: Xóm N - Tính, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Bế Văn Đ hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại: P, Trại giam X, thành phố Hải Phòng, do đó không thể có mặt tại Toà án để tham gia tố tụng. Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang đã ủy thác cho Trại giam X và Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên tống đạt đơn khởi kiện, các văn bản tố tụng và tài liệu khác đồng thời lấy lời khai của bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Toà án nhân dân huyện Hạ Lang đã nhận được kết quả uỷ thác tống đạt và bản tự khai của bị đơn trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Chu Sỹ P yêu cầu được ly hôn với anh Bế Văn Đ. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Chu Sỹ P với anh Bế Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C vào ngày 08/9/2014, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó hôn nhân hợp pháp kể từ ngày có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống cùng gia đình anh Đ tại xóm N - T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Trong quá trình sống chung, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, cãi chửi nhau, không quan tâm đến nhau, đời sống vợ chồng không hoà thuận. Năm 2017, chị P phát hiện anh Đ có sử dụng ma tuý, mặc dù chị P đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng do anh Đ vẫn không từ bỏ ma tuý dẫn đến vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù về tội mua bán trái phép chất ma tuý với thời hạn 08 năm 06 tháng tại Trại giam X, hai vợ chồng đã ly thân

từ thời điểm đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không liên lạc với nhau, chị P, anh Đ đều xác định không còn tình cảm, không có giải pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy, giữa chị P với anh Đ không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình và đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay đã gần được 05 (năm) năm, chứng tỏ mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là những căn cứ để giải quyết ly hôn theo yêu cầu. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị P. Xét thấy, yêu cầu của hai người đều tự nguyện ly hôn, không trái đạo đức, pháp luật nên cần được chấp nhận.

[5]. *Về con chung:* Cháu Chu Bế V, sinh ngày 10/9/2016, là con chung của chị P và anh Đ, hiện cháu đang ở với mẹ tại Tổ D, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Xét thấy: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của bố mẹ, do hiện nay anh Đ đang phải chấp hành hình phạt tù nên cần giao cháu V cho chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc có Bản án (Quyết định) khác thay thế; không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đ. Sau này anh Đ trở về địa phương, các bên có quyền thoả thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

[6]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị P và anh Đ đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. *Về án phí:* Chị Chu Sỹ P phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Sỹ P. Chị Chu Sỹ P được ly hôn với anh Bế Văn Đ.

2. Về con chung: Cháu Chu Bế V, sinh ngày 10/9/2016, là con chung của chị P và anh Đ. Giao cháu Chu Bế V cho chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc có Bản án (Quyết định) khác thay thế; không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đ. Các bên có quyền thoả thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có; không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chu Sỹ P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Xác nhận chị P đã nộp đủ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Chu Sỹ P có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bế Văn Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- UBND phường SH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sầm Đức Hiệp